TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 21-7-2020.
V/v "*ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Hồng

2. Ông Lê Minh Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh- Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Thanh P, sinh năm: 1973. Địa chỉ: ấp A, xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1971. Địa chỉ: xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ông P có mặt, bà T đã bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre tuyên bố mất tích theo quyết định số 05/2020/QĐST-VDS ngày 19/5/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Ngọc Thanh P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thanh P tự nguyện chung sống vào năm 2003, đến năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc, đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà T không quan tâm chăm sóc gia đình và bỏ nhà đi cho đến nay không ai có tin tức gì

về bà T mặc dù gia đình đã dùng mọi biện pháp để tìm kiếm. Vào ngày 19/5/2020,Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre tuyên bố bà Nguyễn Thanh P mất tích. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Trong quá trình chung sống, ông và bà T có một con chung là Trần Ngọc Thanh D, sinh ngày 10/01/2005, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông P khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh P đã bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre tuyên bố mất tích theo quyết định số 05/2020/QĐST-VDS ngày 19/5/2020 nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cũng như không có lời trình bày của bà T.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Bà T đã đã bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre tuyên bố mất tích theo quyết định số 05/2020/QĐST-VDS ngày 19/5/2020 nên đề nghị áp dụng Điều 51, 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về con chung: hiện nay con chung đang sống với ông P, đề nghị Tòa án chấp nhận cho ông P được trực tiếp nuôi con chung và ghi nhận việc ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con, về tài sản chung và nợ chung do ông P khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà T có nơi cư trú cuối cùng tại xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: ông P và bà T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo lời trình bày của nguyên đơn và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống của ông bà có hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà T bỏ nhà đi biệt tích cho đến nay. Ông P và bà T đã ly thân từ thời gian này cho đến nay và bị đơn bà T đã bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre tuyên bố mất tích theo quyết định số 05/2020/QĐST-VDS ngày 19/5/2020. Tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn."

Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P.

[3] Về con chung: ông P yêu cầu được nuôi con chung Trần Ngọc Thanh D, sinh ngày 10/01/2005, hiện tại con chung đang sống với ông P có cuộc sống, học tập ổn định và cháu D có nguyện vọng được sống với cha nên việc giao con chung cho ông P trực tiếp nuôi là phù hợp và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Ông P có công việc và thu nhập ổn định và không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông P phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc Thanh P, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: ông Trần Ngọc Thanh P được ly hôn với bà Nguyễn Thanh P.

2. Về con chung: ông P được trực tiếp nuôi con chung là Trần Ngọc Thanh D, sinh ngày 10/01/2005. Ghi nhận việc ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ông Trần Ngọc Thanh P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: ông Trần Ngọc Thanh P phải nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0011870 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn ông P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng bà T mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã S, TPBT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Thi